TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lợi.

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 12/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 16/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 20/2024/HSST-QĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với:

- *Bị cáo:* Lý Văn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 02 năm 1973 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn T (đã chết) và bà Đàm Thị P (đã chết); vợ: Lộc Thị B; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày 18-10-2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bế Quang H là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Lý Văn T1, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Lý Thị T2, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Anh Lý Văn D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Lý Văn D; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21-12-2021, Lý Văn K và Lý Văn D đang ngồi uống nước tại sân nhà của Lý Văn D ở thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì D thấy Lý Văn T1 (là người cùng thôn) đang chăn trâu ở gần đó, nên D mời T1 vào uống nước. Khi Lý Văn K, Lý Văn D và Lý Văn T1 đang cùng ngồi uống nước thì T1 nói "Khai chặt cây Tơ", K nói "không được chặt". Do đó, K và T1 xảy ra cãi nhau. Tơ cầm mũ cối, K cầm điếu cày lao vào đánh nhau. Hậu quả T1 bị thương ở đầu, còn Khai không bị thương tích.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 240/KLTTCT-TTPY ngày 03-10-2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lý Văn T1 như sau:

- Sẹo nhỏ vùng đỉnh trái, tỷ lệ: 01%

- Sẹo nhỏ vùng thái dương trái, tỷ lệ:01%

- Chấn động não điều trị ổn định, tỷ lệ:01%

Tổng tỷ lệ: 03%

Cơ chế hình thành vết thương: Do vật tày cứng tác động trực tiếp gây nên.

Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo chưa bồi thường cho bị hại. Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSCL ngày 15-12-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lý Văn K về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận được dùng điều cày đánh 02 (hai) phát vào đầu của bị hại. Nhưng cho rằng do bị hại cầm mũ cối đánh bị cáo trước nên bị cáo mới cầm điều cày đánh bị hại. Bị cáo không có thắc mắc hay khiếu nại gì đối với Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 240/KLTTCT-TTPY ngày 03-10-2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L.

Bị hại cho rằng lời khai của bị cáo không đúng. Bị hại không được dùng mũ cối đánh bị hại. Khi bị hại đang ngồi uống nước cùng với Lý Văn D thì không biết bị cáo chạy từ đâu tới và dùng điếu cày đánh bị hại luôn. Bị hại yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 55.000.000 đồng. Trong đó, 50.000.000 đồng là

tiền chi phí cho toàn bộ thiệt hại sức khoẻ và tiền tổn thất tinh thần, 5.000.000 đồng là tiền chi phí đi lại để tham gia phiên toà sơ thẩm. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đã giải thích hậu quả pháp lý của việc tự thoả thuận bồi thường cho bị cáo, bị hại. Nhưng bị cáo, bị hại không thoả thuận được với nhau về mức bồi thường. Bị hại yêu cầu xem xét, xử lý bị cáo và giải quyết bồi thường thiệt hại, lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lý Văn D không yêu cầu được trả lại chiếc điếu cày bị thu giữ, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành tịch thu, tiêu huỷ theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lý Văn K phạm tội "Cố ý gây thương tích". Đề nghị căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lý Văn K từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc điều cày.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Do bị cáo và bị hại không thoả thuận được với nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị hại được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà. Tuy nhiên, trình độ nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo thừa nhận Bản Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo xin lỗi bị hại. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt chị Lý Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, phiên toà đã được triệu tập hợp lệ lần thứ tư. Chị T2 đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo, bị hại, người bào

chữa và Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị T2. Ngoài ra, chị T2 vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Lý Thị T2 theo quy định của Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, ngày 21-12-2021, tại sân nhà của anh Lý Văn D ở thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị cáo Lý Văn K là người dùng điếu cày đánh vào đầu của bị hại Lý Văn T1, gây tổn hại cho sức khoẻ của bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ kết tội bị cáo Lý Văn K phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo. Bị hại cũng có lỗi. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) chiếc điếu cày bị thu giữ được bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại. Anh Lý Văn D không yêu cầu được trả lại và không còn giá trị sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu huỷ theo quy định.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định như sau:

[9.1] Đối với những khoản yêu cầu bồi thường có hoá đơn, chứng từ: Hội đồng xét xử thấy rằng Quỹ bảo hiểm thanh toán theo giá dịch vụ y tế là 2.218.060 đồng, khoản tiền test Covid 19 là 68.000 đồng. Bị hại phải thanh toán số tiền là 1.908.300 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận đối với số tiền bị hại phải thanh toán là 1.908.300 đồng. Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với số tiền 2.286.060 đồng do bị hại không phải thanh toán số tiền 2.218.060 đồng và việc phát sinh tiền test Covid 19 không phải do bị cáo gây ra.

[9.2] Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khoẻ và chức năng bị giảm sút của bị hại; tiền mất thu nhập của bị hại, người chăm sóc.

Do Bệnh viện Đa khoa tỉnh L và Trung tâm y tế huyện C có trụ sở tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do không xác định được thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng ngày lương tối thiểu vùng tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn để xem xét mức bồi thường. 01 ngày lương tối thiểu vùng tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 125.000 đồng (theo quy định của Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12-6-2022 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động).

Bị hại điều trị 09 ngày tại Bệnh viện tương ứng với số tiền 1.125.000 đồng; tiền mất thu nhập của bị hại là 1.125.000 đồng; chi phí đi lại mặc dù không có hoá đơn nhưng thực tế đã phát sinh nên mức chi phí 1.000.000 đồng là hợp lý.

Chi phí phục hồi sức khoẻ: Sau khi ra viện, bị hại chưa thể lao động bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng khoảng thời gian 01 (một) tháng là phù hợp để bị hại phục hồi sức khoẻ tương ứng với số tiền 3.750.000 đồng.

Tổng số tiền là 7.000.000 đồng.

[9.3]. Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: Bị hại cũng có một phần lỗi. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mức bù đắp tổn thất tinh thần là 05 (năm) lần mức lương cơ sở là phù hợp, tương ứng với số tiền 9.000.000 đồng.

[9.4]. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 17.908.300 đồng.

[9.5]. Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với những yêu cầu bồi thường không có căn cứ của bị hại gồm:

Tiền mất thu nhập của người chăm sóc, do người chăm sóc vẫn được trả tiền theo hợp đồng nên không bị mất thu nhập trong thời gian chăm sóc.

Chi phí ăn uống, đồ dùng hằng ngày trong thời gian điều trị vì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và không có căn cứ.

Chi phí đi lại để tham gia phiên toà sơ thẩm và các chi phí khác do không có căn cứ.

[10]. Lãi suất chậm trả: Nếu bị cáo chậm trả số tiền phải bồi thường cho bị hại thì bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Về án phí: Bị cáo và bị hại đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đều thuộc hộ nghèo. Do đó, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị hại được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Những ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật thì được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Ý kiến của bị cáo, người bào chữa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 590, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm d, đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 292, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Văn K phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lý Văn K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 18 tháng 10 năm 2023.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu, tiêu huỷ 01 (một) chiếc điều cày bằng tre chiều dài 75cm, đường kính 05cm.

(Vật chứng nêu trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-12-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Lý Văn K phải bồi thường tổng số tiền là 17.908.300 đồng (mười bảy triệu chín trăm linh tám nghìn ba trăm đồng) cho bị hại ông Lý Văn T1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

5.1. Bị cáo Lý Văn K được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bị hại ông Lý Văn T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp